

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 14 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mộc Khải;
2. Ông Trần Thế Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC);

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa Nhà Rê Tower, số 9, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu Ý, sinh năm 1996, nơi cư trú: F2- 73, đường Nguyễn Thị Sáu, Quận C, thành phố Cần Thơ;

Địa chỉ liên hệ: Đường cầu Kênh 1, ấp Mỹ An, xã V, thành phố K, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền số 24/UQTA-XLTD.22 ngày 24/3/2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, nơi cư trú: Số 388x, tổ 17, khóm 7, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC) (viết tắt Công ty tài chính) có ông Trần Hữu Ý đại diện trình bày:

Ngày 13/12/2019, bà H có ký kết hợp đồng tín dụng số 20191217-0000042 với Công ty tài chính TNHH X SMBC vay số tiền 42.200.000 đồng; lãi suất 3,08%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.328.627 đồng gồm gốc và lãi; trả liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu trả mỗi tháng 2.514.223 đồng, tháng cuối cùng trả 1.501.498 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 03/01/2020.

Thực hiện hợp đồng bà H đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 05 lần, số tiền 12.634.000 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2020 đến nay bà H không thanh toán cho Công ty tài chính mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Do đó Công ty tài chính TNHH X SMBC yêu cầu bà H trả toàn bộ nợ gốc và lãi đến ngày 03/12/2021 tổng số tiền 46.694.627 đồng (gồm nợ gốc 35.153.366 đồng; lãi 11.541.261 đồng).

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, ngày 31/5/2022 bà H đã thanh toán cho Công ty tài chính số tiền 4.000.000 đồng, nên được khấu trừ vào vốn và lãi. Do đó Công ty tài chính xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Nay Công ty tài chính TNHH X SMBC yêu cầu bà H trả số tiền 42.694.627 đồng gồm vốn 33.153.366 đồng và lãi 9.541.261 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Văn bản Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2019; lịch sử thanh toán và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 13/12/2019, bà H có ký kết hợp đồng tín dụng số 20191217-0000042 với Công ty tài chính TNHH X SMBC để vay số tiền 42.200.000 đồng; lãi suất 3,08%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.328.627 đồng gồm gốc và lãi; trả liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu trả mỗi tháng 2.514.223 đồng, tháng cuối cùng trả 1.501.498 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 03/01/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 05 lần, số tiền 12.634.000 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2020 đến nay bà H không thanh toán cho Công ty tài chính do có hoàn cảnh khó khăn. Do đó Công ty tài chính TNHH X SMBC yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc và lãi đến 03/12/2021 tổng số tiền 46.694.627 đồng (gồm nợ gốc số tiền 35.153.366 đồng và lãi số tiền 11.541.261 đồng). Ngày 31/5/2022 bà đã thực hiện trả được 4.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành, bị đơn có yêu cầu vắng mặt tham gia hòa giải ngày 31/5/2022 và xin vắng mặt tham gia xét xử.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Lý do trong đơn khởi kiện ghi ngày 13/12/2019 Công ty tài chính và bà H ký kết hợp đồng nhưng thực tế thực tế đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng thể hiện ngày 12/12/2019 là vì ngày ký kết hợp đồng là ngày 12/12/2019, tuy nhiên ngày 13/12/2019 Công ty tài chính mới cập nhật trên hệ thống vay nên lấy ngày 13/12/2019 trình bày trong đơn khởi kiện.

Công ty tài chính yêu cầu bà H trả số tiền vốn, lãi còn lại số tiền 42.694.627 đồng. Công ty tài chính rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng mà bà H đã trả.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc vay nợ của các bên trên cơ sở tự nguyện, có hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Việc bà H yêu cầu trả mỗi tháng 1.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 42.694.627 đồng. Đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính đối với số tiền 4.000.000 đồng; căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản:

Xét văn bản đề nghị vay vốn khiêm Hợp đồng tín dụng số 20191217-0000042 ngày 12/12/2019 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay:

Căn cứ Văn bản đề nghị vay vốn khiêm Hợp đồng tín dụng số 20191217-0000042; Bảng kế hoạch trả nợ và Lịch thanh toán thì Công ty tài chính TNHH X SMBC cho bà H vay số tiền 42.200.000 đồng; lãi suất 3,08%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; thỏa thuận thanh toán gốc và lãi số tiền 59.328.627 đồng, trả liên tiếp trong vòng 24 tháng tương đương với 24 kỳ, 23 tháng đầu trả mỗi tháng 2.514.223 đồng, tháng cuối cùng trả 1.501.498 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 03/01/2020. Bà H có trả được 05 lần, số tiền 12.634.000 đồng (vốn 7.046.634 đồng, lãi 5.587.366 đồng) và ngày 31/5/2022 trả được 4.000.000 đồng. Do bà H không trả nợ từ ngày 23/7/2020 đến ngày khởi kiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Do đó, Công ty tài chính yêu cầu bà H trả nợ số vốn và lãi còn lại theo Hợp đồng số tiền 42.694.627 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 xét chấp nhận.

Buộc bà H có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH X SMBC số tiền 42.694.627 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu trả nợ của bị đơn: Bị đơn yêu cầu được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; nguyên đơn không đồng ý. Do đó không có căn cứ chấp nhận phương thức trả mỗi tháng 1.000.000 đồng của bị đơn. Tuy

nhiên phương thức trả nợ của các đương sự sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.167.500 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.135.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 244, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.000.000 đồng bị đơn đã trả.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC).

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC) số tiền 42.694.627 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 1.167.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002072 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Công ty tài chính TNHH X SMBC (VPB SMBC FC).

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.135.000 (hai triệu, một trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trần Thị Phương